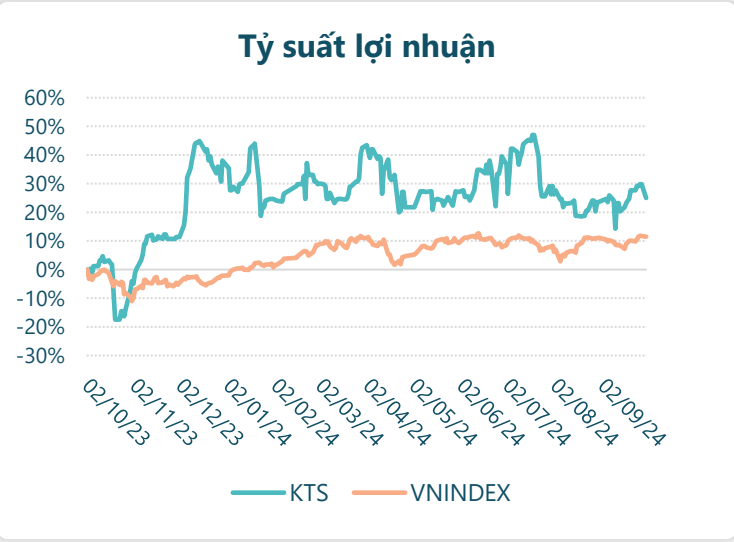


Ngày	42,100 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.2%	-6.4%	-11.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,802 - 49,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	213
Số lượng CPLH (CP)	5,070,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,365
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.38
EPS	6,891
P/E	6.1



Doanh thu thuần
Q3/24

57.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼61.9 | -52.0%

YoY: ▲ 41.7 | 271%

Nợ/VCSH
Q3/24

117%

YoY: +/-▲ 4.7%

LN gộp
Q3/24

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.7 | -65.4%

YoY: ▲ 8.59 | 447%

ROE (TTM)
Q3/24

16.1%

YoY: +/-▲ 1.7%

LN trước thuế
Q3/24

4.55

tỷ VNĐ

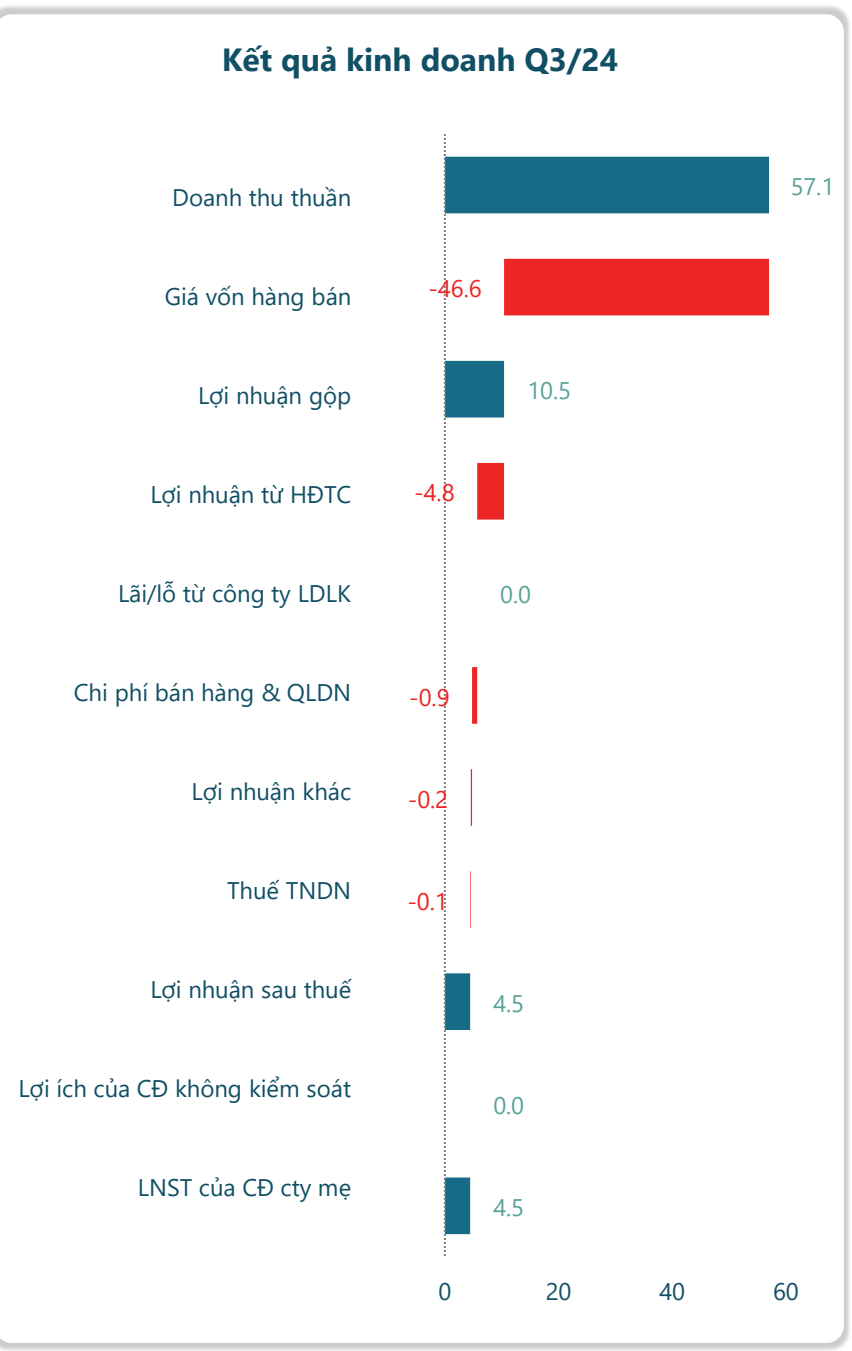
QoQ: ▼15.8 | -77.6%

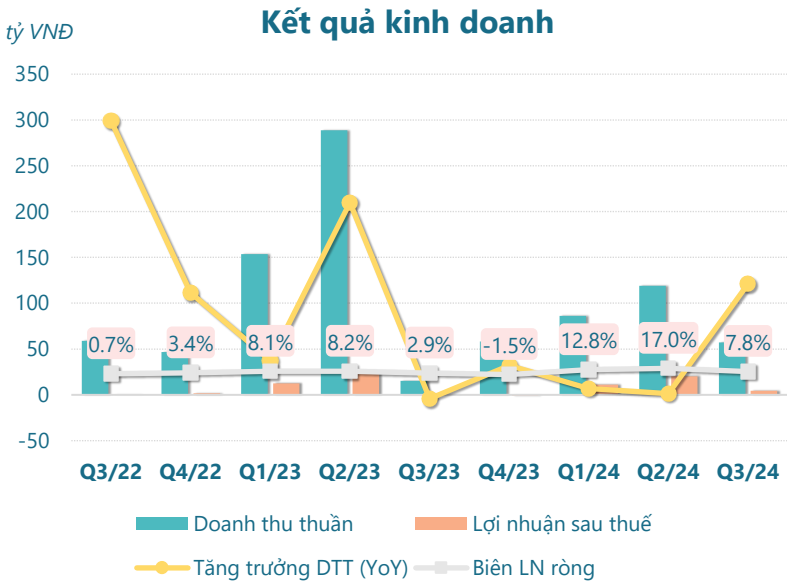
YoY: ▲ 4.10 | 911%

ROA (TTM)
Q3/24

7.2%

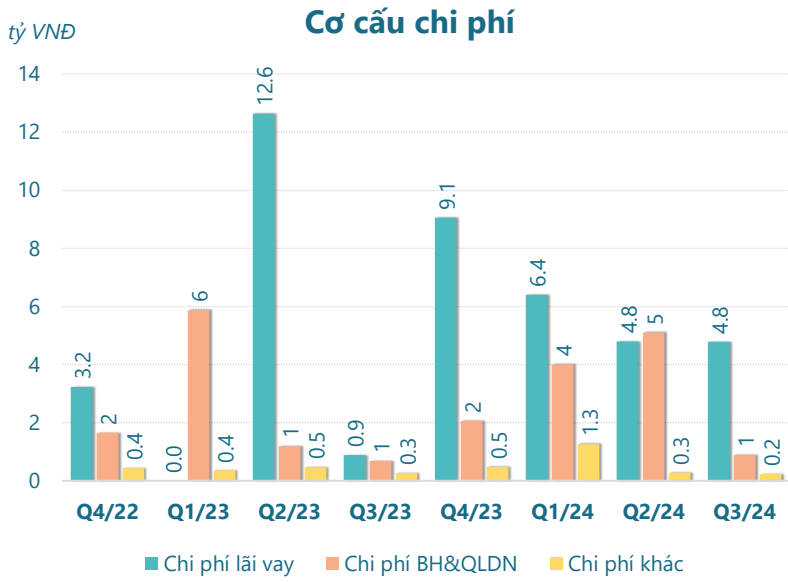
YoY: +/-▲ 0.8%





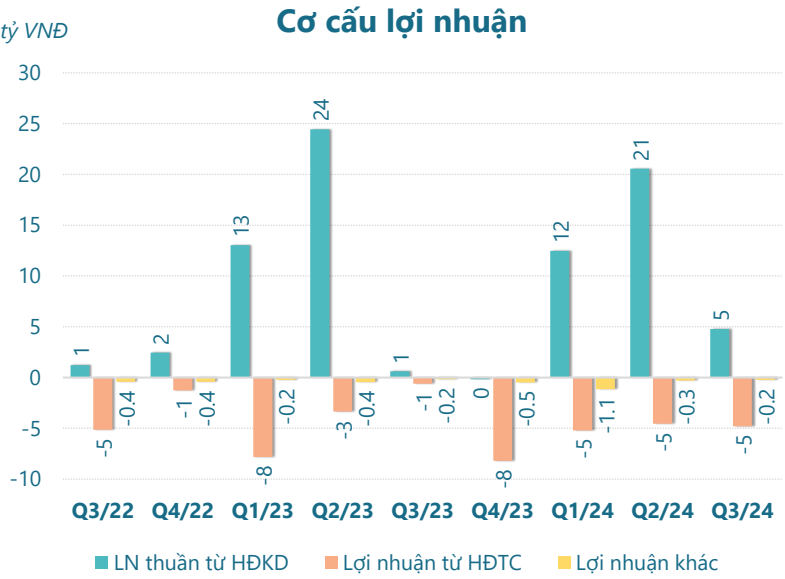
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 4.78 tỷ đồng**, giảm đi 76.8% so với kỳ trước và cao hơn 684% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 4.78 tỷ đồng** giảm đi 0.23 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 4.17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.23 tỷ đồng** tăng thêm 0.05 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.08 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **KTS** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **57.07 tỷ đồng** tăng thêm **271%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4.47 tỷ đồng, tăng trưởng 916%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **262.0 tỷ đồng** thấp hơn 42.8% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 36.00 tỷ đồng** thấp hơn 2.70% so với cùng kỳ năm trước.



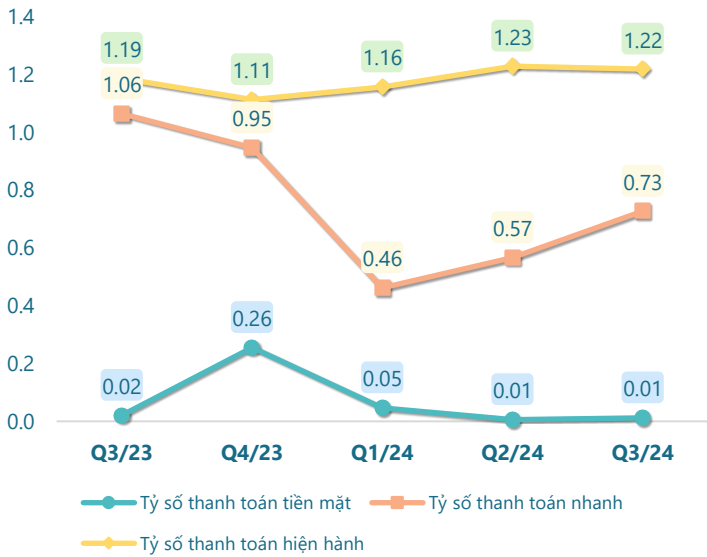
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **4.78 tỷ đồng** giảm đi 0.42% so với kỳ trước và cao hơn 437% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **0.89 tỷ đồng** giảm đi 82.5% so với kỳ trước và cao hơn 29.0% so với cùng kỳ năm trước.

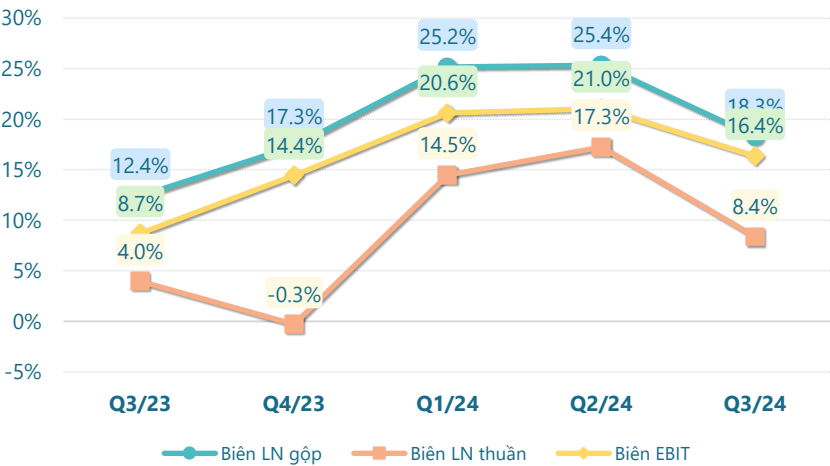
Chi phí khác bằng **0.23 tỷ đồng** giảm đi 17.9% so với kỳ trước và thấp hơn 11.5% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	57.1	119	-52.0%	15.4	271%	262	458	-42.7%
Giá vốn hàng bán	46.6	89.0	-47.6%	13.5	245%	200	400	-50.0%
Lợi nhuận gộp	10.5	30.2	-65.4%	1.91	447%	62.4	57.6	8.2%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.31	-98.6%	0.01	-56.5%	1.51	1.47	2.9%
Chi phí TC	4.78	4.87	-1.8%	0.62	672%	16.1	13.3	21.0%
Chi phí lãi vay	4.78	4.80	-0.3%	0.89	438%	16.0	13.5	18.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.31	2.48	-87.4%	0.05	527%	3.01	1.83	64.6%
Chi phí QLDN	0.58	2.62	-77.9%	0.64	-9.5%	7.00	5.93	18.0%
LN thuần từ HĐKD	4.78	20.6	-76.8%	0.61	683%	37.8	38.1	-0.7%
Lợi nhuận khác	-0.23	-0.28	18.0%	-0.15	-53.0%	-1.64	-0.83	-96.3%
LN trước thuế	4.55	20.3	-77.6%	0.45	911%	36.2	37.2	-2.9%
Lợi nhuận sau thuế	4.47	20.3	-78.0%	0.44	915%	35.8	36.6	-2.2%
LNST của CĐ cty mẹ	4.47	20.3	-78.0%	0.44	915%	35.8	36.6	-2.2%

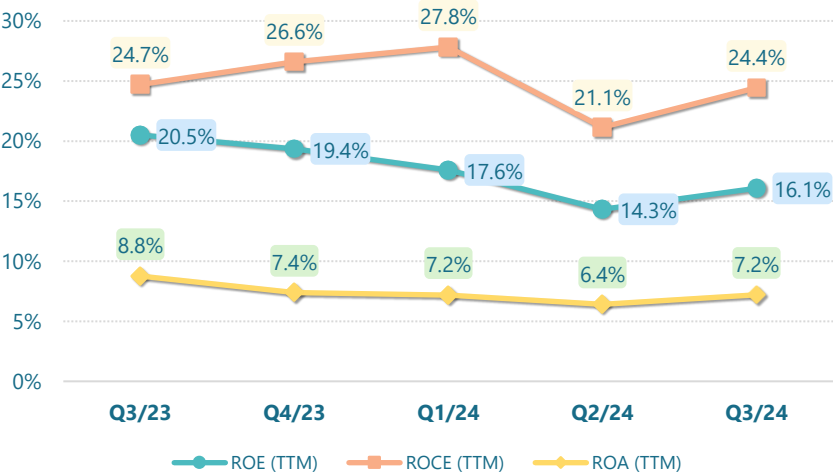
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

